

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-PT
Ngày: 13-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung

Bà Bùi Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ – Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2019/HS-PT ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2018/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2019/QĐXXPT-HS ngày 14-3-2019, các Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/HSPT-QĐ ngày 23-4-2019 và số 15/2019/HSPT-QĐ ngày 22-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1971 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký HKTT: Khu phố 2, phường P, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Thôn 1B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Nguyên là Giám đốc Công ty cổ phần Nông Lâm nghiệp K; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Võ K và bà Bùi Thị H; có vợ là Đoàn Thị Q và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-4-2018 đến ngày 18-6-2018; tại ngoại - Có mặt.

2. Đào Văn N, sinh năm 1985 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn 1B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Nhân viên quản lý và bảo vệ rừng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Quang

D và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-4-2018 đến ngày 18-6-2018; tại ngoại - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Đào Văn N: Ông Lê Xuân Anh P* - Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số nhà 159 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp K; trụ sở: Thôn 1B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Văn L – Là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty); địa chỉ: Thôn 1B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Ngọc H – Là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch UBND xã Q); địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Ban quản lý rừng phòng hộ G; trụ sở: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn T – Là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ G); địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Bùi Đức H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Ông Triệu Quỳ T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Kim Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh K, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh K1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh K2, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh K3, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh K4, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông -

Vắng mặt.

Ông Đặng Chòi M, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh Đặng Dồn U, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Ông Lý Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Ông Triệu Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Ông Đặng Tồn S, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh Hoàng Thùng Quyên, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Anh Hoàng Chàn S, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp K (gọi tắt là Công ty K) được thuê 2.700,5ha đất để thực hiện dự án đầu tư trồng rừng, trồng cây công nghiệp tại các tiểu khu 1694, 1695 và 1696 thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 1419/QĐ-CTUBND ngày 13-11-2006 của UBND tỉnh Đắk Nông và Hợp đồng số 23/HĐ-TĐTR ngày 28-02-2007 giữa Công ty K và Sở T, trong đó: Diện tích quản lý bảo vệ rừng là 1.887,9ha; diện tích cải tạo làm giàu rừng là 262,4ha; diện tích cải tạo trồng rừng và trồng cây công nghiệp là 550,2ha. Ngày 06-3-2017, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 387/QĐ-UBND về giao kế hoạch trồng rừng thay thế năm 2017, trong đó Công ty K được giao trồng 240 ha rừng tại các tiểu khu 1694, 1695 và 1696. Theo quyết định này, Công ty K phải lập hồ sơ trồng rừng trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Tuy nhiên, vào tháng 02-2017, Nguyễn Hoàng T (Giám đốc Công ty K) đã thuê Triệu Quầy T, Bùi Đức H và nhờ Triệu Quầy T, Bùi Đức H thuê thêm khoảng 40 người để phát dọn thực bì, nhằm mục đích trồng rừng; đồng thời giao cho Đào Văn N (nhân viên của Công ty K) chỉ vị trí, ranh giới để Triệu Quầy T và những người khác phát dọn, nhưng đây không phải là chuyên môn, nhiệm vụ tại công ty của Đào Văn N. Lúc đầu Đào Văn N không đồng ý nhưng sau đó vẫn thực hiện yêu cầu của Nguyễn Hoàng T; Đào Văn N đã nhiều lần đề nghị tuyển nhân viên kỹ thuật nhưng Nguyễn Hoàng T không chấp nhận.

Theo vị trí, ranh giới đất rừng được Đào Văn N chỉ định, Triệu Quầy T và những người khác đã phát dọn từ khoảng tháng 02 đến cuối tháng 4-2017, nhưng

việc phát dọn đã lấn sang phần diện tích rừng thuộc trường hợp phải quản lý bảo vệ của Công ty K, Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ G) và UBND xã Q. Trong thời gian phát dọn, Nguyễn Hoàng T không báo cho cơ quan có thẩm quyền để giám sát mà cách khoảng 02 đến 03 ngày, Nguyễn Hoàng T trực tiếp vào kiểm tra, giám sát.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06-6-2017 của Công an, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện Đắk Glong xác định tổng diện tích được xem xét là 439.920m² được chia làm 02 khu vực: Khu vực 01 có diện tích 180.920m²; khu vực 02 có diện tích 259.000m².

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 15-6-2017 (theo trung cầu giám định số 70, số 71) của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp kết luận:

* Khu vực diện tích 18,092ha (180.920m²): Trong đó có 17,916ha thuộc các lô 3,5,6,7,8,10,12,19 khoảnh 1 tiểu khu 1695 do Công ty K quản lý và 0,176ha thuộc lô 32, khoảnh 8 tiểu khu 1679 do UBND xã Q quản lý; về trạng thái rừng là rừng thường xanh nghèo, rừng thường xanh kiệt (0,29 ha), rừng hỗn giao tre, nứa, gỗ (5,154ha), còn lại 12,648ha là đất trống; về loại rừng là rừng sản xuất là rừng tự nhiên; mức độ thiệt hại 100%; giá trị thiệt hại về rừng và môi trường đối với 0,29ha là 8.116.810 đồng và đối với 5,154ha là 86.210.958 đồng.

* Khu vực diện tích 25,9ha (259.000m²): Trong đó có 15,453ha thuộc các lô 6, 7, 10, 19, 21, 22, 38 khoảnh 3 tiểu khu 1695 do Công ty K quản lý và 10,447ha thuộc lô 14, 20, 24, 36, 37, 43, 47, 48, 49, 54 khoảnh 8 tiểu khu 1685 do Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ quản lý; về trạng thái rừng là rừng thường xanh nghèo (10,172ha), rừng hỗn giao tre, nứa, gỗ (4,901ha), còn lại 10,885ha là đất trống; về loại rừng là rừng sản xuất là rừng tự nhiên; mức độ thiệt hại 100%; giá trị thiệt hại về rừng và môi trường đối với 10,172ha là 284.704.108 đồng và đối với 4,901ha là 81.979.027 đồng.

Tổng diện tích rừng bị phá hủy là 20,517ha (205.170m²), loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thiệt hại tính bằng tiền là 461.010.903 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 máy định vị màu xám nhãn hiệu GRAMIN; 01 la bàn màu ô lưu, không rõ nhãn hiệu; 01 bản đồ quy hoạch dự án trồng cây công nghiệp; 02 dao phát.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2018/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông quyết định: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 (áp dụng khoản 2 Điều 54 đối với Đào Văn N) của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 03 năm tù, bị cáo Đào Văn N 02 năm 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 11-01-2019, các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N kháng cáo xin được miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Đào Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong về phần hình phạt.

Luận cứ bào chữa của Luật sư: Việc các cơ quan tiến hành tố tụng truy tố, xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Đào Văn N về tội “*Hủy hoại rừng*” là đúng, không oan. Tuy nhiên, cần xem xét đến mục đích, hành vi của các bị cáo để đánh giá và áp dụng mức hình phạt đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Cụ thể, các bị cáo không hề có động cơ vụ lợi, không làm vì mục đích tư lợi, cá nhân; hành vi của các bị cáo chỉ với mục đích là để trồng rừng sớm, để tránh mùa mưa là hư cây. Mặt khác, hiện nay toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại đã được các bị cáo khắc phục bằng cách trồng mới và theo kết quả xác minh là hiện trạng rừng hiện nay phát triển đẹp hơn cả lúc chưa bàn giao cho các bị cáo. Ngoài ra, trong tổng diện tích rừng mà các bị cáo phát dọn thì có một phần là các bị cáo phát dọn trước khi có quyết định của Ủy ban tỉnh về việc giao đất phát triển rừng, còn lại một phần các bị cáo thực hiện khi đã có quyết định giao đất của Ủy ban tỉnh, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng truy tố, xét xử các bị cáo đối với toàn bộ diện tích rừng mà các bị cáo phát dọn là bất lợi cho các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều đóng góp cho việc bảo vệ, phát triển rừng, được Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện tặng Giấy khen trong quá trình công tác và đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Đại diện của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp K cũng đã có tờ trình xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ các tình tiết giảm nhẹ, xem xét đến hoàn cảnh của các bị cáo để cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N không bào chữa, tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra xác định tuy chưa lập hồ sơ trồng rừng trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhưng Nguyễn Hoàng T đã chỉ đạo Đào Văn N xác định vị trí, ranh giới diện tích đất cần phát dọn. Đào Văn N (không có chuyên môn trong vấn đề này) chỉ cho những người được Nguyễn Hoàng T thuê để phát dọn thực bì, mục đích phát dọn là trồng rừng. Hậu quả dẫn đến có 20,517ha rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị hủy hoại, thiệt hại tính bằng tiền là 461.010.903 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có

căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy diện tích rừng bị các bị cáo hủy hoại là lớn, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ nhận thức để xác định hành vi của mình có thể dẫn đến tội phạm nhưng vẫn thực hiện vì mục đích riêng muốn trồng rừng đạt tiến độ nên không có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối các bị cáo là đã xem xét, đánh giá toàn bộ các tình tiết khách quan của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 (Đầu thú) Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Tại phiên tòa bị cáo Đào Văn N trình bày về điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, ngoài ra Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp K có tờ trình xin giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Hoàng T trình bày Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp K do bị cáo làm Giám đốc công ty được tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện; Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp K có tờ trình xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Hoàng T là người có vai trò chính, quan trọng nhất trong vụ án, bị cáo đã được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và xử phạt mức án 03 năm tù là mức án thấp nhất của khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đào Văn N có vai trò thấp hơn trong vụ án, bị cáo đã được áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và xử phạt mức án 02 năm 06 tháng tù là mức án thuộc khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Trong khi cả 02 bị cáo đều phạm tội ở khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, các bị cáo đã được áp dụng các mức hình phạt nhẹ nhất theo quy định của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã là thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng quy định về những trường hợp không cho hưởng án treo gồm: bị cáo bỏ trốn, bị truy nã trong giai đoạn chuẩn bị xét xử (tuy trong vụ án này các bị cáo không bỏ trốn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mà bỏ trốn trong giai đoạn điều tra, bị truy nã như vậy cũng thể hiện tính coi thường pháp luật của các bị cáo, các bị cáo chấp hành pháp luật không tốt); các bị cáo giữ vai trò quan trọng, chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, thực hành tích cực, phạm tội với lỗi cố ý gây hậu quả nghiêm trọng. Hơn nữa, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hủy hoại diện tích rừng lớn, việc cho các bị cáo được hưởng án treo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm,

gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Đào Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 03 (Ba) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-4-2018 đến ngày 18-6-2018.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Văn N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-4-2018 đến ngày 18-6-2018.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Đào Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ hành chính tư pháp, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh

